TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2023
V/v: Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI:

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩmgồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh– Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa:

Ông Lý Văn Tầm – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2023/TLST- HNGĐ 28-3-2023 về việc: Tranh chấp cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-9-2023; quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22-9-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Thị Huyền Tr, sinh năm 1986. Có mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- *Bị đơn:* Anh Lý Hữu T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Có mặt

Địa chỉ: Sn 011, ngõ P, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

+ Ông Đinh Xuân Hòa, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị H. Có mặt

+ Bà Triệu Thị H1, sinh năm 1966. Vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị C, sinh năm 1938. Vắng mặt.

+ Chị Lý Thị Thu H2, sinh năm 1989. Vắng mặt.

+ Chị Lý Thị Út H3, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Lý Thị Thu H4, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Triệu Tiến Y, sinh năm 1945

+ Ông Triệu Thiều M, sinh năm 1960

+ Ông Triệu Trung P, sinh năm 1960

+ Bà Triệu Thị N, sinh năm 1952

+ Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1963

+ Bà Triệu Thị C1, sinh năm 1967

+ Chị Triệu Thị L, sinh năm 1977

+ Chị Phùng Thị T, sinh năm 1990

+ Chị Phùng Thị H, sinh năm 1978

+ Chị Triệu Thị G, sinh năm 1975

+ Chị Đặng Thị H, sinh năm 1999

+ Chị Phùng Thị L, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Đinh Thị Huyền Tr trình bày:* Chị và anh Lý Hữu T ly hôn với nhau theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại thời điểm ly hôn, chị và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên hiện nay chị và anh T không thể tự thỏa thuận được với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung.

+ Về tài sản chung, chị xác định chị và anh T có các tài sản chung gồm: 12.000 cây Quê trồng từ năm 2014 trên thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái (trồng trên đất của bà Triệu Thị H1, ông Lý Văn Ton) có giá trị là 1.000.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr đồng ý với hiện trạng tài sản theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án và giá trị tài sản theo biên bản định giá của Hội đồng định giá. Chị Tr xác định số Quế trồng trên thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 là 3020 cây và có giá trị là 425.820.000 đồng. Chị Tr đề nghị chia đôi tài sản chung và được nhận ½ giá trị tài sản là 212.910.000 đồng.

+ Về nợ chung: Chị và anh T trong thời kỳ hôn nhân có vay của ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H số tiền là 167.000.000 đồng. Chị yêu cầu chị và anh T mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 83.500.000 đồng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lý Ngọc Minh C, sinh ngày 12-4-2014 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên hiện nay các tài sản chung đều do anh T quản lý, chi phí sinh hoạt, học tập của cháu Châu ngày càng nhiều nên chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Châu là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi và anh T phải thực hiện cấp dưỡng một lần với số tiền là 216.000.000 đồng.

- *Bị đơn anh Lý Hữu T trình bày:* Anh và chị Đinh Thị Huyền Tr kết hôn với nhau vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh và chị Tr sống cùng gia đình anh tại Thôn T, xã P, huyện L. Đến đầu năm 2015, anh và chị Tr có mượn đất của ông Lý Văn Ton (Lý Tiến Ngọc), bà Triệu Thị H1 ở thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi để trồng 10.000 cây Quế xem kẽ với trồng Sắn. Đến tháng 8-2015, chị Tr đi làm tại tỉnh Thái Nguyên cho đến năm 2018, còn anh đi làm ở tỉnh Bắc Giang đến năm 2017. Trong thời gian này, do không có ai chăm sóc đồi Quế nên bị bỏ hoang, trong quá trình khai thác Sắn đã làm chết hết số Quế đã trồng. Đến khoảng năm 2016-2017, bố mẹ anh đã lấy lại đất và trồng lại Quế. Đến năm 2018, chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến năm 2022 thì về nước, sau đó anh và chị Tr ly hôn. Anh khẳng định số Quế hiện tại của gia đình anh là do bố, mẹ anh trồng chứ không phải là Quế do anh và chị Tr đã trồng trước đây.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị Tr có vay của ông Đinh Xuân Hòa và bà Nguyễn Thị H số tiền là 167.000.000 đồng. Anh xác định đây là nợ chung của anh và chị Tr nên đề nghị mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 83.500.000 đồng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Lý Ngọc Minh C, anh đồng ý về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị Tr. Tuy nhiên do hiện tại anh là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên anh sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng. Khi nào có điều kiện anh sẽ cấp dưỡng hơn cho con.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày:* Trong khoảng thời gian từ 2013 đến năm 2018, bà và chồng là ông Đinh Xuân Hòa có cho chị Đinh Thị Huyền Tr và anh Lý Hữu T vay tổng số tiền là 167.000.000 đồng. Khi đó chị Tr và anh T còn là vợ chồng, vì là con trong gia đình nên các lần cho vay tiền không yêu cầu anh T, chị Tr phải lập giấy vay tiền và không tính tiền lãi. Đến nay anh T và chị Tr đã ly hôn nhưng vẫn chưa trả cho vợ chồng bà số tiền đã vay, bà đã nhiều lần yêu cầu anh T và chị Tr phải trả số tiền vay nhưng anh T, chị Tr vẫn chưa trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lý Hữu T và chị Đinh Thị Huyền Tr mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là: 83.500.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Xuân Hòa* ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H tham gia tố tụng. Ông Hòa với thống nhất với lời khai của bà Nguyễn Thị H trong hồ sơ vụ án.

- *Bà Triệu Thị H1 trình bày:* Con trai bà là anh Lý Hữu T kết hôn với chị Đinh Thị Huyền Tr vào năm 2013. Đến năm 2022, chị Tr và anh T ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr và anh T có thời gian ngắn sống cùng gia đình bà. Vào khoảng năm 2015, chị Tr và anh T có trồng Quế tại thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 ở Thôn T, xã P, huyện L của bà và chồng là ông Lý Văn Ton quản lý, sử dụng. Tại thời điểm đó còn trồng xen kẽ cả Sắn với Quế. Sau khi trồng Quế, đến khoảng cuối năm 2015 chị Tr và anh T đều đi làm xa, không có ai chăm sóc đồi Quế dẫn đến Quế chậm phát triển và chết. Ngoài ra trong quá trình khai thác Sắn đã làm chết gần hết số Quế đã trồng, còn lại bị Dê ăn. Đến năm 2016 và 2017, bà có thuê một số người phát lại đồi và trồng mới lại toàn bộ diện tích Quế tại thửa đất số 1090. Bà trồng Quế lần thứ nhất vào năm 2016, trồng lần thứ hai vào năm 2017, mỗi lần trồng khoảng 5000 đến 6000 cây. Nguồn gốc Quế là bà mua của một người ở xã Trúc Lâu, huyện Lục Yên mang đến bán và mua cùng bà Trịnh Thị C của một người ở thành phố Yên Bái mang lên bán. Bà khẳng định số Quế chị Tr Tòa án yêu cầu chia là do bà trồng mới toàn bộ, không phải là tài sản chung chị Tr, anh T.

- *Người làm chứng ông Triệu Tiến Y trình bày:* Gia đình ông buôn bán phân bón, vật tư nông nghiệp tại Thôn T, xã P, huyện L khoảng 20 năm nay. Cửa hàng của gia đình ông ở gần nhà của ông Lý Tiến Ngọc, bà Triệu Thị H1. Khoảng năm 2014, gia đình bà H có trồng Quế tại địa phương nhưng ông không biết là ai người đầu tư, ai là người trồng. Gia đình ông Ngọc, bà H có mua phân bón, vật tư nông nghiệp của gia đình ông nhưng do thời gian đã lâu nên ông không nhớ số lượng, chủng loại hàng hóa đã bán. Người thường xuyên mua hàng là bà Triệu Thị H1. Con dâu của bà H là chị Đinh Thị Huyền Tr ít khi ở nhà nên ông không biết.

- *Người làm chứng bà Triệu Thị N trình bày:* Gia đình bà có buôn bán vật tư nông nghiệp tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái. Chồng bà là ông Triệu Tiến Y là người thường xuyên trực tiếp bán hàng, đến năm 2018 thì giao lại cho con gái là Triệu Thị L quản lý. Việc kinh doanh trước đây chủ yếu là do chồng bà quản lý nên bà không biết việc bán vật tư nông nghiệp cho gia đình bà H, chị Tr như thế nào. Bà chỉ biết gia đình bà H có trồng Quế trên các diện tích đất của gia đình nhưng bà không biết ai là người trồng, ai đầu tư cụ thể. Đối với chị Đinh Thị Huyền Tr là vợ của anh Lý Hữu T, chị Tr ít khi có mặt ở nhà nên bà ít gặp.

- *Người làm chứng chị Triệu Thị L trình bày:* Chị có kinh doanh chung tạp hóa và vật tư nông nghiệp với bố, mẹ. Đến năm 2018, bố mẹ chị đã giao lại toàn bộ cửa hàng cho chị kinh doanh. Cửa hàng của chị ở gần nhà ông Lý Tiến Ngọc, bà Triệu Thị H1. Chị có biết gia đình bà H có trồng Quế trên diện tích đất của gia đình, bà H là người thường xuyên mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc trừ sâu ở cửa hàng chị, còn cụ thể diện tích trồng Quế là bao nhiêu, ai là người trồng, ai là người đầu tư trong gia đình nhà bà H thì chị không biết. Chị Đinh Thị Huyền Tr trước đây có kết hôn với

anh Lý Hữu T nhưng ít khi có mặt ở nhà. Đến năm 2018 chị được biết chị Tr đi xuất khẩu lao động, sau đó về nước ly hôn với anh T.

- *Người làm chứng ông Triệu Thiều M trình bày:* Vào khoảng năm 2014, gia đình ông Lý Tiến Ngọc, bà Triệu Thị H1 có trồng Quế tại các thửa đất của gia đình ở Thôn T, xã P, huyện L. Trên các diện tích được trồng có nơi đã khai thác, có nơi chưa khai thác. Tuy nhiên ông không biết diện tích trồng Quế cụ thể là bao nhiêu, ai là người trồng, ai là người đầu tư, chăm sóc. Đối với chị Đinh Thị Huyền Tr kết hôn với anh Lý Hữu T là con dâu của ông Ngọc, bà H nhưng không thường xuyên có mặt ở địa phương. Ông không biết Trang có tham gia đóng góp công sức, tài sản vào trồng đồi Quế hay không.

- *Người làm chứng chị Phùng Thị T trình bày:* Vào khoảng năm 2015, chị và chồng là anh Lý Văn Nái có trồng Quế cho vợ chồng anh Lý Hữu T, chị Đinh Thị Huyền Tr tại đồi của bà Triệu Thị H1 (là mẹ đẻ của anh Lý Hữu T). Vợ chồng chị cùng vợ chồng anh T, chị Tr cùng nhau trồng Quế, còn Quế của ai, sau đó ai là người chăm sóc, thu hoạch như thế nào thì chị không biết, chị cũng không nhớ ai là người đã trả tiền công trồng Quế. Giấy xác nhận trước đây chị Tr đánh máy sẵn rồi nhờ vợ chồng chị ký nhận, còn nội dung chị không xem.

- *Người làm chứng chị Phùng Thị H trình bày:* Gia đình chị có đồi cây giáp với đồi Quế của bà Triệu Thị H1 tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái. Khoảng 6-7 năm trước, chị có thấy bà H thuê người trồng Quế giáp với đồi cây của nhà chị. Sau này chị cũng chỉ thấy bà H là người đi chăm sóc cây. Chị không thấy anh T đi trồng cây, chăm sóc cây bao giờ. Còn chị Tr (là vợ cũ của anh T) rất ít khi có mặt ở nhà nên chị không gặp chị Tr.

- *Người làm chứng bà Trịnh Thị C trình bày:* Khoảng 6-7 năm trước, bà và bà Triệu Thị H1 cùng mua cây Quế giống của người ở dưới thành phố Yên Bái chở lên bán. Bà mua 10.000 cây, còn bà H không biết mua số lượng bao nhiêu. Sau đó, bà có thấy bà H thuê người trồng tại đồi cây gia đình bà H tại thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi. Trong số những người bà H thuê trồng Quế ở thời điểm đó bà có biết chị Ghến và cháu Hoàn, còn một số người nữa bà không nhớ. Bà không biết chị Tr và anh T có trồng Quế ở đồi đó hay không, thời điểm đó chị Tr rất ít khi ở nhà.

- *Người làm chứng chị Triệu Thị G trình bày:* Vào năm 2016 và 2017, chị có đi trồng Quế thuê cho bà Triệu Thị H1 tại đồi của nhà bà H ở thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi. Địa điểm trồng Quế cho bà H là ở đồi mà năm trước vợ chồng anh T đã trồng Quế nhưng Quế đã bị chết do thu hoạch Sắn và bị Dê ăn. Tại thời điểm trồng Quế thì cây Quế trồng cũ đã bị chết gần hết chỉ còn vài cây lưa thưa nên bà H đã thuê chị và những người khác phát đồi trồng mới lại toàn bộ. Trồng lần đầu vào năm 2016, trồng lần hai vào năm 2017. Hiện đồi Quế trồng mới vẫn còn chưa thu hoạch.

- *Người làm chứng chị Đặng Thị H trình bày:* Vào năm 2016 và 2017, chị có đi trồng Quế thuê cho bà Triệu Thị H1 tại đồi của bà H ở thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi. Đồi Quế của bà H được trồng làm hai đợt, đợt đầu trồng năm 2016, đợt thứ hai trồng năm 2017. Tại thời điểm trồng Quế lần đầu trên đất có Quế đã trồng từ trước nhưng đã chết gần hết chỉ còn vài cây bé với mật độ lưa thưa, chị được biết đó là Quế do con của bà H trồng năm trước. Chị cùng mọi người đã phát đồi và trồng mới lại toàn bộ Quế mới.

- *Người làm chứng chị Phùng Thị L trình bày:* Vào năm 2016, bà Triệu Thị H1 có thuê chị đi trồng Quế tại đồi của bà H tại thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi. tại thời điểm trồng Quế trên đồi có một số cây Quế đã được vợ chồng anh Lý Hữu T trồng từ năm trước nhưng đa phần đã chết, còn một số cây không phát triển, lưa thưa. Chị cùng mọi người phát đi trồng mới lại toàn bộ Quế. Chị trồng Quế cho bà H hai lần, lần đầu là vào cuối năm 2016 và lần thứ hai là vào năm 2017. Vị trí trồng Quế mới là trên vị trí trước đây vợ chồng anh Lý Hữu T đã trồng Quế. Tại các thời điểm chị trồng Quế cho bà H thì anh T và chị Tr đều không có mặt ở nhà.

- *Người làm chứng bà Triệu Thị C1 trình bày:* vào năm 2016-2017, bà có trồng Quế cho bà Triệu Thị H1 bằng hình thức đổi công tại đồi của gia đình bà H ở thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi. Trồng lần thứ nhất vào năm 2016, trồng lần thứ hai vào năm 2017. Tại thời điểm trồng Quế cho bà H, có nơi đã được phát cỏ, có nơi còn lưa thưa vài cây Quế nhỏ chậm phát triển. Sau đó bà và mọi người đã phát sạch hết để trồng lại toàn bộ Quế mới. Bà được biết vào năm 2015, gia đình bà H đã trồng Quế trước đó nhưng do không có người chăm sóc và trong quá trình khai thác Sắn cây Quế mới trồng đã bị chết, còn một phần bị Dê ăn nên bà H đã trồng mới lại toàn bộ diện tích Quế như hiện nay.

- *Người làm chứng ông Triệu Trung P trình bày:* Vào khoảng năm 2014 -2015, tôi có thấy chị Đinh Thị Huyền Tr và anh Lý Hữu T cùng một số người khác có trồng Quế ở đồi của gia đình ông Ton, bà H tại thôn 2 Túc, xã Phúc Lợi, tuy nhiên diện tích, số lượng trồng bao nhiêu ông không biết. Đến khoảng 1-2 năm sau, ông có thấy bà H thuê người trồng lại Quế trên diện tích anh T, chị Tr đã trồng trước đây, số lượng, diện tích trồng bao nhiêu thì ông không biết. Ông cho rằng, tại các thời điểm chị Tr, anh T, bà H trồng Quế là của gia đình cùng nhau trồng chứ ông không biết là Quế của ai hay ai là người đầu tư chi phí.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H đã thực

hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357,463,466,468,469 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27,33,37,60,82,107,110,116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 6, điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Huyền Tr.

+ *Về chia nợ chung:* Chị Đinh Thị Huyền Tr và anh Lý Hữu T mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H số tiền là 83.500.000 đồng.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc anh Lý Hữu T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lý Ngọc Minh C, sinh ngày 12-4-2014 là 1.500.000 đồng/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Lý Ngọc Minh C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

- Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là 3020 cây Quế được trồng trên thửa đất số 1090 tờ bản đố số 01 tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái của chị Đinh Thị Huyền Tr.

- Về chi phí tố tụng: Chị Đinh Thị Huyền Tr phải chịu 12.967.000 đồng *(Mười hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 2.400.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* tiền chi phí định giá tài sản. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ.

- Về án phí: Chị Đinh Thị Huyền Tr phải chịu án phí về chia tài sản là 300.000 đồng và tiền án phí về nghĩa vụ trả nợ là 4.175.000 đồng.

Anh Lý Hữu T phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ trả nợ là 4.175.000 đồng và tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn". Nơi cư trú của bị đơn tại xã Phúc Lợi, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, Anh Lý Hữu T, bà Triệu Thị H1 vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Đặng Thị C, chị Lý Thị Thu H4, chị Lý Thị Thu H2, chị Lý Thị Út H3 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về chia tài sản chung:

[2.1]. Về nguồn gốc và giá trị tài sản: Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 09-9-2023: có 3020 cây Quế đường kính trung bình 8cm, chiều cao trung bình 8,5m, tuổi cây từ 6-8 năm được trồng trên diện tích 8630,2 m^2 ở thửa đất số 1090 tờ bản đố số 01 tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái có trị giá là 425.820.000 đồng. Chị Tr và anh T đều đồng ý với hiện trạng và giá trị tài sản như theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản. Chị Tr cho rằng đây là số lượng Quế mà chị và anh T đã trồng từ năm 2014 nên xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, chị Tr yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản chung là 212.910.000 đồng. Anh T xác định đây là diện tích Quế do bà Triệu Thị H1 trồng, không phải là tài sản chung của anh T và chị Tr trong thời kỳ hôn nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong khoảng thời gian 2014-2015, chị Tr và anh T có trồng diện tích Quế xen kẽ với Sắn trên thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 của bà Triệu Thị H1, ông Lý Văn Ton (Lý Tiến Ngọc) tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi trồng Quế một thời gian thì chị Tr và anh T đều đi làm xa, không thường xuyên có mặt ở địa phương trong một thời gian dài nên không có cơ sở xác định việc chị Tr và anh T thường xuyên quản lý, chăm sóc đồi Quế. Chị Tr cũng không có căn cứ chứng minh về quyền sở hữu tài sản, chi phí đầu tư để xác định diện tích Quế hiện tại là tài sản của chị Tr và anh T. Qua lời khai của những người làm chứng, trong đó có những người làm chứng được Tòa án lấy lời khai theo đề nghị của chị Tr cho thấy sau khi chị Tr, anh T trồng Quế vào khoảng thời gian 2014-2015 do không có người chăm sóc nên Quế chậm phát triển và chết, bị Dê ăn, trong quá trình thu hoạch Sắn cũng đã làm chết số Quế đã trồng. Trong khoảng thời gian từ năm 2016-2017, bà Triệu Thị H1 đã hai lần thuê người phát đồi và trồng mới lại toàn bộ số Quế trên diện tích đất anh T, chị Tr đã trồng Quế trước đây. Trong thời gian chị Tr, anh T không có mặt ở nhà, bà H là người đầu tư chi phí về phân bón, vật tư nông nghiệp, công sức chăm sóc cho đồi Quế nên xác định diện tích Quế hiện tại được trồng trên thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 là tài sản của bà Triệu Thị H1, ông Lý Văn Ton là có căn cứ. Do đó, việc chị Tr cho rằng số lượng Quế được trồng trên thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 là tài sản chung với anh T trong thời kỳ hôn nhân và yêu cầu được nhận ½ giá trị tài sản là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với các diện tích Quế được trồng ngoài thửa đất số 1090, tờ bản đồ số 01 tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái mà Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo ranh giới đất mà chị Tr đã xác định. Xét thấy chị Tr không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chia nợ chung:

Chị Đinh Thị Huyền Tr và anh Lý Hữu T đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân có vay số tiền 167.000.000 đồng của ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H. Xét thấy, đây là nợ chung của chị Tr và anh T nên chị Tr yêu cầu chia nghĩa vụ trả số tiền nợ của ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr và anh T đều đồng ý về nghĩa vụ trả nợ, cụ thể mỗi người sẽ có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H ½ số tiền nợ là 83.500.000.000 đồng. Xét thấy, sự thống nhất về nghĩa vụ trả nợ của chị chị Tr và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lý Ngọc Minh C là 2.0000.000 đồng/1 tháng. Việc chị Tr yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, việc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con ngoài căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì cũng cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Xét thấy, anh T hiện là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó căn cứ vào mức thu thập trung bình tại địa phương để quyết định mức cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng/1 tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Châu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu về chia tài sản chung không được chấp nhận nên chị Tr phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu chia phần tài sản không phải là tài sản chung và án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Anh T phải chịu án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 60, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 6, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Huyền Tr.

1.1. Về chia nợ chung:

- Chị Đinh Thị Huyền Tr phải có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H số tiền là 83.500.000 đồng *(Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

- Anh Lý Hữu T phải có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Xuân Hòa, bà Nguyễn Thị H số tiền là 83.500.000 đồng *(Tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

1.2. về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lý Hữu T phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Lý Ngọc Minh C, sinh ngày 12-4-2014 là 1.500.000 đồng/1 tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Lý Ngọc Minh C đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa khi thi hành án xong, còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là 3020 cây Quế được trồng trên thửa đất số 1090 tờ bản đồ số 01 tại Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái của chị Đinh Thị Huyền Tr.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Đinh Thị Huyền Tr phải chịu 12.967.000 đồng *(Mười hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 2.400.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)* tiền chi phí định giá tài sản. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Huyền Tr phải chịu án phí về chia tài sản là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng) và* tiền án phí về nghĩa vụ trả nợ là 4.175.000 đồng *(Bốn triệu một trăm bảy mươi năm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp là 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0003500 ngày 28-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên. Chị Tr được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.525.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm hai mươi năm nghìn đồng).*

Anh Lý Hữu T phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ trả nợ là 4.175.000 đồng *(Bốn triệu một trăm bảy mươi năm nghìn đồng)* và tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao